

THÔNG BÁO
V/v tuyển sinh đào tạo thạc sĩ năm 2011

- Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 28 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Công văn số 6095/BGDĐT-KHTC ngày 14 tháng 09 năm 2011 về việc bổ sung chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo thạc sĩ năm 2011 như sau:

I. CÁC CHUYÊN NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO

1. Chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Công nghệ chế tạo máy.

2. Chỉ tiêu: 50.

3. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển.

4. Điều kiện dự thi:

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây:

a. Về văn bằng:

- Đã tốt nghiệp đại học chính quy đúng ngành hoặc phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đăng ký dự thi (Danh mục ngành đúng hoặc ngành phù hợp xem phụ lục 1).

- Người có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với chuyên ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi (Danh mục các môn học bổ sung kiến thức xem phụ lục 1).

b. Về thâm niên công tác:

- Người có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

- Những đối tượng còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Cơ khí, kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

c. Có đủ sức khỏe để học tập.

d. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của trường.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

a. Đối tượng :

- Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa

phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo (Các đối tượng ưu tiên trên phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền);

- Thương binh, bệnh binh người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;
- Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- Con nạn nhân chất độc màu da cam.

b. Chính sách ưu tiên:

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm vào kết quả thi (thang điểm 10) cho môn cơ bản;
- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

6. Thời gian đào tạo: 2 năm.

7. Môn thi tuyển sinh:

a. Các môn thi tuyển:

- Môn ngoại ngữ:

Yêu cầu ngoại ngữ dùng trong thi tuyển là **tiếng Anh**, cách thức thi tuyển theo dạng thức bài thi KET của khung châu Âu;

* Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ:

- + Có bằng tốt nghiệp đại học chính qui ngành tiếng Anh;
- + Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài mà ngôn ngữ dùng trong đào tạo là tiếng Anh;
- + Có bằng tốt nghiệp đại học tại các chương trình đào tạo trong nước mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng Anh không qua phiên dịch;
- + Có chứng chỉ TOEFL iBT 32 hoặc IELTS 4.5 trở lên trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ.

- Môn cơ bản: **Toán cao cấp.**

- Môn cơ sở ngành: **Sức bền vật liệu.**

8. Hồ sơ dự tuyển gồm:

- a. Đơn đăng ký dự thi;
- b. Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm (công chứng);
- c. Các chứng chỉ bổ túc kiến thức (cho các đối tượng tốt nghiệp ngành gần với ngành dự thi);
- d. Lý lịch khoa học;
- e. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của bệnh viện đa khoa;
- f. Bản sao giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);

g. Ba ảnh 3x4, hai phong bì có dán tem và ghi đầy đủ địa chỉ người nhận trên phong bì.

II. THI TUYỂN, ĐỊA ĐIỂM DỰ THI

1. Thi tuyển:

- Kỳ thi tuyển sinh sau đại học năm 2011 của Đại học Công nghiệp Hà Nội được tổ chức vào đầu tháng 12 năm 2011. Lịch cụ thể sẽ thông báo tại website <http://hau.edu.vn> của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Giấy báo dự thi sẽ được gửi cho thí sinh thông qua địa chỉ trên phong bì thư nộp kèm theo hồ sơ. Thời gian gửi giấy báo thi trước ngày 5/12/2011.

2. Địa điểm thi:

Tổ chức thi tại Cơ sở 1, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Địa chỉ: xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Thời hạn nộp hồ sơ dự thi:

Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi từ ngày (12/10/2011 đến 30/11/2011).

(Lưu ý: Hồ sơ không trả lại)

III. LỊCH ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG KIẾN THỨC

- Tổ chức học bổ sung kiến thức từ ngày 17/10/2011 đến ngày 20/11/2011.

- Tổ chức các lớp ôn thi tuyển sinh từ ngày 21/11/2011 đến ngày 04/12/2011.

- Địa điểm học cụ thể sẽ thông báo trên website <http://hau.edu.vn> và bảng tin của Nhà trường.

Thông tin chi tiết xin liên hệ:

- Bộ phận tuyển sinh – Phòng Đào tạo – Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Địa chỉ: Xã Minh Khai, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04.37655121 (máy lẻ 277 hoặc 224), 04.37650051.

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng trực tuyển sinh, phòng 103 nhà A3, khu A, Đại học Công nghiệp Hà Nội.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Đức Quý

PHỤ LỤC 1

1. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp

STT	Mã số	Tên ngành/Chuyên sâu	Ghi chú
Ngành đúng			
1	52510201	Công nghệ chế tạo máy	
Ngành phù hợp			
2	52510202	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	
Ngành gần			
3	52510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	
4	52140214	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	Chuyên sâu chế tạo máy

2. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức

STT	Tên học phần	Lịch học
Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		
1	Nguyên lý cắt	Tuần từ 17/10-23/10
2	Máy cắt	Tuần từ 24/10-30/10
3	Công nghệ CNC	Tuần từ 31/10-06/11
4	Đồ gá	Tuần từ 07/11-13/11
5	Công nghệ chế tạo máy	Tuần từ 14/11-20/11
Ngành sư phạm kỹ thuật công nghiệp (chuyên sâu chế tạo máy)		
6	Nguyên lý cắt	Tuần từ 17/10-23/10
7	Công nghệ xử lý vật liệu	Tuần từ 24/10-30/10
8	Công nghệ CNC	Tuần từ 31/10-06/11
9	Đồ gá	Tuần từ 07/11-13/11
10	Công nghệ chế tạo máy	Tuần từ 14/11-20/11

PHỤ LỤC 2

**DẠNG THỨC ĐỀ THI NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1
CỦA KHUNG CHÂU ÂU ÁP DỤNG CHO ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**
(Kèm theo Thông tư số: 10 /2011 /TT- BGDDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Đề thi: gồm 3 bài, tổng thời gian 135 phút.

1. Bài thi đọc và viết

Thời gian làm bài: 90 phút; Điểm: 60 điểm/ 100 điểm

a) Đọc: 4 phần /20 câu hỏi (30 điểm)

- **Phần 1:** 10 câu hỏi (10 điểm). Đọc 10 câu độc lập mỗi câu có một từ bỏ trống, chọn 1 từ đúng trong 4 từ cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) để điền vào chỗ trống. Các chỗ trống này cho phép kiểm tra kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và kiến thức văn hóa, xã hội.

- **Phần 2:** 5 câu hỏi (5 điểm). Có thể lựa chọn một trong hai hình thức bài tập sau: 1) đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hàng ngày (dạng hình ảnh không có chữ hoặc có ít chữ) hoặc thông báo ngắn, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong 4 câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD); 2) đọc 5 đoạn mô tả ngắn, mỗi đoạn khoảng 3 câu, sau đó chọn các bức tranh tương ứng với đoạn mô tả (5 bức tranh), có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày.

- **Phần 3:** 5 câu hỏi (5 điểm). Đọc một bài khoảng 200 - 250 từ, chọn các câu trả lời Đúng hoặc Sai hoặc lựa chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phổ biến kiến thức, thường thấy trong đời sống hàng ngày.

- **Phần 4:** 10 câu hỏi (10 điểm). Làm bài đọc điền từ (*Cloze test*), dạng bỏ từ thứ 7 trong văn bản. Lưu ý: chỉ bỏ ô trống bắt đầu từ câu thứ 3, câu thứ 1 và thứ 2 giữ nguyên để thí sinh làm quen với ngữ cảnh. Bài đọc này dài khoảng 150 từ trong đó có 10 từ bỏ trống. Chọn trong số 15 từ cho sẵn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống.

Yêu cầu chung: 1) Bài đọc viết theo ngôn ngữ đơn giản, có bố cục rõ ràng; 2) Chủ đề quen thuộc, liên quan tới đời sống thường ngày (có thể lấy từ báo, tạp chí, tài liệu giáo dục, truyện, các mục trong bách khoa toàn thư...); 3) Lượng từ mới không vượt quá 10% của trình độ B1.

b) Viết: 2 phần (30 điểm)

- **Phần 1:** 5 câu hỏi (10 điểm). Cho sẵn 5 câu, viết lại các câu đó với những cách diễn đạt khác đã được gợi ý bằng 1-2 từ sao cho ý nghĩa các câu đó không thay đổi.

- **Phần 2:** (20 điểm). Viết một bài viết ngắn khoảng 100 -120 từ. Đây là dạng bài viết có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày, thường là viết dựa trên một tài liệu gợi ý cho sẵn. Một số dạng bài thường dùng: viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm; viết một lá thư mời hay thư phàn nàn về một sản phẩm hoặc dịch vụ sau khi đã mua hàng hoặc dùng dịch vụ theo một quảng cáo; điền vào một mẫu tờ khai trong đó có 2 đoạn, mỗi đoạn dài khoảng 4 - 5 dòng; viết 2 - 3 lời nhắn qua email, mỗi lời nhắn dài khoảng 4 - 5 dòng; viết thư trả lời để cảm ơn, xin lỗi, giải thích một sự việc hay dằn dò, đưa lời khuyên cho ai đó; viết một câu chuyện đã có sẵn câu mở đầu và câu kết thúc...

2. Bài thi nghe hiểu

Bài thi nghe hiểu gồm 02 phần

Thời gian: 35 phút; Điểm: 20 điểm/ 100 điểm

- **a) Phần 1:** 5 câu hỏi (10 điểm). Có thể lựa chọn nghe 5 đoạn hội thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng, mỗi hội thoại có 4 - 6 lần đổi vai; hoặc nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai với nội dung; hoặc nghe một đoạn độc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc.

- **b) Phần 2:** 10 câu hỏi (10 điểm). Nghe một đoạn hội thoại hay độc thoại. Điền vào 10 chi tiết bỏ trống trong bài. Chỗ trống thường là thông tin quan trọng.

Yêu cầu chung: 1) Thí sinh có 5 phút để nghe hướng dẫn cách làm bài, sau đó được nghe mỗi bài 2 lần, vừa nghe vừa trả lời câu hỏi; 2) Thời gian mỗi phần nghe không quá 15 phút (kể cả thời gian làm bài); 3) phát ngôn rõ ràng, tốc độ từ chậm đến trung bình; 4) chủ đề cụ thể, bối cảnh giao tiếp quen thuộc, liên quan đến đời sống thường ngày; 5) lượng từ mới không quá 5% của trình độ B1.

3. Bài thi nói

Bài thi nói gồm 3 phần, thời gian cho mỗi thí sinh từ 10 - 12 phút.

Điểm: 20 điểm/ 100 điểm

Thí sinh bốc thăm 1 trong số 14 chủ đề nói của trình độ B1 liên quan tới 4 lĩnh vực: cá nhân, công cộng, nghề nghiệp, giáo dục (xem cụ thể 14 chủ đề trong phần *Dẫn luận*). Thời gian chuẩn bị khoảng 5 - 7 phút (không tính vào thời gian thi)

a) Phần 1 (2 đến 3 phút): Giáo viên hỏi thí sinh một số câu về tiêu sử bản thân để đánh giá khả năng giao tiếp xã hội của thí sinh.

b) Phần 2 (5 phút): Thí sinh trình bày chủ đề đã bốc thăm. Phần trình bày phải có bố cục rõ ràng, giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận, biết sử dụng phương tiện liên kết ý. Tránh liệt kê hàng loạt mà không phát triển kỹ từng ý.

c) Phần 3 (3 - 5 phút): Giáo viên và thí sinh hội thoại mở rộng thêm về những vấn đề có liên quan đến chủ đề vừa trình bày. Trong phần hội thoại, giáo viên đặt các câu hỏi phản bác hoặc thăm dò ý kiến, thí sinh phải trình bày được quan điểm và đưa ra lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.

II. Đánh giá

1. Tổng điểm của 3 bài thi là 100 điểm.
2. Thí sinh đạt tổng số 50,0 điểm, điểm mỗi phần thi không dưới 30% là đạt yêu cầu.